

Lào Cai, ngày 15 tháng 01 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh thành lập Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường của Dự án đầu tư Trụ sở AGRIBANK chi nhánh Lào Cai II, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực - Agribank tại Văn bản số 591/CV-QLXD-QLKT ngày 23/5/2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư Trụ sở AGRIBANK chi nhánh Lào Cai II, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Văn bản 884/CV-QLXD-QLKT ngày 28/11/2023 về việc chỉnh sửa bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 592/TTr-STNMT ngày 22/12/2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có địa chỉ tại số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư Trụ sở AGRIBANK chi nhánh Lào Cai II, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư Trụ sở AGRIBANK chi nhánh Lào Cai II, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

8

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 151 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

1.3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Lào Cai II được cấp Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh 0100686174-916 đăng ký lần đầu ngày 14/02/2014; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15/05/2018.

1.4. Mã số thuế: 0100686174

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Ngân hàng thương mại.

1.6. Phạm vi, quy mô, của dự án đầu tư: Tổng diện tích dự án 1.294,6m<sup>2</sup>; Xây dựng nhà làm việc hành chính công trình dân dụng cấp II; Quy mô 01 tầng hầm, 07 tầng nổi và 01 tum tổng diện tích sàn 3.223m<sup>2</sup>; tổng kinh phí đầu tư xây dựng dự án 60 tỷ đồng.

- Dự án có quy mô mức đầu tư thuộc dự án nhóm B theo phân loại Luật Đầu tư công.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

## **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai II:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai II có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung

Or

không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND thành phố Lào Cai và các sở, ngành có liên quan nếu để xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này Chủ đầu tư phải kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan; UBND thành phố Lào Cai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư Trụ sở AGRIBANK chi nhánh Lào Cai II, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật./. *Or*

**Nơi nhận:**

- TT.UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (*03 bản*);
- UBND thành phố Lào Cai;
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Lào Cai II (*03 bản*);
- CVP, PCVP3;
- Công TTĐT tỉnh Lào Cai;
- Lưu: VT, TNMTL *[Signature]*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hài



**Phụ lục 1**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU  
CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 96 /GPMT-UBND  
ngày 15 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Lào Cai)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên và khách hàng từ các khu vệ sinh của tòa nhà (*Tầng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7*).
- Nguồn số 02: Nước thải nhà bếp tại tầng 6 của tòa nhà.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Cống thoát nước đường Hoàng Liên, tổ 21 phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai.

**2.2. Vị trí xả nước thải:** Nguồn số 1 và nguồn số 2.

Vị trí đầu nối xả thải: Cống thoát nước đường Hoàng Liên, địa chỉ số 151 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai. Tọa độ vị trí xả nước thải (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°45', mũi chiếu 3*) X: 2488638; Y: 0419379.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 5m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:** Tự chảy

**2.3.2. Chế độ xả nước thải:** Gián đoạn.

**2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc online
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1000		

02



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc online
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	4,0	định số 08/2022/NĐ-CP) của Chính phủ	CP) của Chính phủ
6	Amoni	mg/L	10		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/L	50		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/L	10		
11	Tổng Coliform	MPN /100mL	5.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

### 1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mặt, nước thải:

- Tại tầng hầm: Nước tầng hầm được thu gom theo rãnh thu nước với chiều dài rãnh L = 37,5m, trên hệ thống rãnh bố trí 02 hố ga thu nước, kích thước 0,55x0,5x0,5m, có song chắn rác, nước thải được thu gom về hố ga tổng có thể tích 1,2mx1,2mx1,4m.

- Nước mưa mái: Thu vào ống UPVC D90 (số lượng 04 ống đứng D90) đưa về hệ thống thoát nước mặt tầng 1 bao quanh toà nhà.

- Hệ thống thu gom, thoát nước mặt: Được thu gom, thoát theo đường ống (kích thước D300-D315, tổng chiều dài ống thoát nước L=104m); trên hệ thống thoát nước mặt bố trí 9 hố ga có cấu tạo bê tông đá, kích thước 1,4x1,4m. Sau đó nước thải theo đường ống D300 đấu nối vào hệ thống thoát nước mặt của thành phố Lào Cai (cống thoát nước đường Hoàng Liên).

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải tại các khu vệ sinh chung tầng 1,2,3,4,5,6,7; nhà vệ sinh phòng nghỉ tầng 3; nhà vệ sinh phòng nghỉ số 1 tầng 6 được thu gom vào đường ống có kích thước D60, D90, D114, thoát nước ngang từng tầng về ống đứng dọc tòa nhà, đổ vào bể tự hoại thể tích 15 m<sup>3</sup>.

Or



+ Nước thải nhà vệ sinh phòng giám đốc tầng 2; phòng phó giám đốc 3 tầng 5; phòng nghỉ số 2 tầng 6; phòng nghỉ số 3 tầng 6 được thu gom vào đường ống kính thước D90-D114, D140 thoát nước ngang từng tầng về ống đứng dọc tòa nhà, chảy vào bể tự hoại thể tích 05 m<sup>3</sup>.

- Nước thải bếp ăn: Nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ, bể có chất liệu bằng composite, dung tích 0,96 m<sup>3</sup> sau đó thu vào đường ống kính thước D90, thoát nước ngang về ống đứng dọc tòa nhà sau đó vào đường ống D220 thoát nước thải của tòa nhà dẫn ra hệ thống gom nước thải của thành phố (*cống thoát nước thải đường Hoàng Liên*).

+ Nước thải sau xử lý: Bể tự hoại 15m<sup>3</sup> và 5m<sup>3</sup> được đấu nối thoát vào đường ống D220 (*chiều dài 69m*), trên hệ thống thoát nước thải bố trí 07 hố ga (*kích thước 1,1x1,1x0,9m, cấu tạo bê tông*), đấu nối vào hệ thống thoát nước của thành phố Lào Cai (*cống thoát nước thải đường Hoàng Liên*).

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

#### **1.2.1 Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn bao gồm 01 ngăn chứa và 02 ngăn lắng, thực hiện quá trình lắng cặn và lên men, phân huỷ sinh học kị khí cặn lắng. Thông số kỹ thuật: 01 bể thể tích chứa 15m<sup>3</sup>, kích thước: 4,9x2,6x2,65m; 01 bể thể tích chứa 05m<sup>3</sup>, kích thước: 1,8x2,5x1,32m.

- Quy trình xử lý: Nước thải đầu vào → ngăn chứa 1 (*điều hòa, lắng, phân huỷ sinh học*) → ngăn 2 (*lắng, phân huỷ sinh học*) → ngăn 3 (*lắng, chứa*) → hệ thống thoát nước của thành phố Lào Cai (*cống thoát nước đường Hoàng Liên*).

- Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch công trình xử lý nước thải. Tần suất 6 tháng/lần, lượng chế phẩm sinh học khoảng 1-2 kg/năm.

#### **1.2.2. Nước thải bếp ăn**

- Xử lý nước thải nhà bếp bằng 01 bể tách dầu mỡ 3 ngăn, chất liệu composite, kích thước 1200 x800 x1000 mm đặt dưới chậu rửa của bếp ăn.

- Quy trình xử lý: Nước thải từ khu vực nấu ăn → bể tách dầu mỡ → ống gom nước thải trụ sở → hệ thống thoát nước của thành phố Lào Cai (*cống thoát nước thải đường Hoàng Liên*).

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục:** Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định.

#### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thiết bị, khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

OR

- Định kỳ thực hiện thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

- Bố trí máy bơm để bơm nước thải từ hố ga tông của tầng hầm ra ngoài trong trường hợp hệ thống thoát nước mặt tầng hầm gặp sự cố không kịp thoát.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút hầm cầu, bùn thải tại bể tự hoại, hố lảng gom thoát nước thải của tòa nhà.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

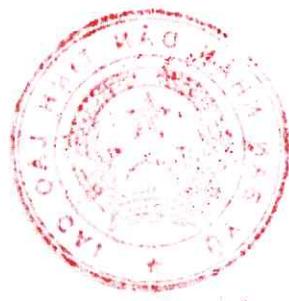
### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

**3.1. Thu gom, xử lý nước thải** phát sinh trong quá trình thi công, vận hành dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

**3.2. Đầu nối xả thải vào nguồn tiếp nhận nước thải** đúng quy định. Điểm xả nước thải phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**3.3. Vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải, mạng lưới thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình dự án hoạt động.**

**3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:** Thường xuyên theo dõi, giám sát chất lượng nước thải ra môi trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 Phần A tại phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. *Oz*



**Phụ lục 2**

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 96/GPMT-UBND  
ngày 15 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Lào Cai)



**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Khu vực nhà đặt máy biến áp và máy phát điện dự phòng của Ngân hàng.
- Nguồn số 2: Khu vực bãi đỗ xe của Ngân hàng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Khu vực nhà đặt trạm biến áp và máy phát điện dự phòng (*máy phát điện đặt trong nhà đặt trạm biến áp*), tọa độ X: 2488646; Y: 0419419
- Nguồn số 2: Khu vực bãi đỗ xe của Ngân hàng, tọa độ: X: 2488645; Y: 0419426

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn**

Số thứ tự	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung**

Số thứ tự	Thời gian áp dụng trong ngày	Khu vực thông thường (dB)	Ghi chú
1	06 giờ - 21 giờ	70	QCVN 27:2010/BTNMT
2	21 giờ - 06 giờ	60	QCVN 27:2010/BTNMT

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ các máy móc để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt để giảm thiểu tiếng ồn.

02



- Máy phát điện dự phòng đặt trong phòng riêng, đảm bảo cách âm với môi trường xung quanh bằng cách trang bị các họng tiêu âm cho miệng cấp và hút gió, tiêu âm cho khu vực phòng máy.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đệm chống rung cho thiết bị để giảm rung động trong quá trình vận hành. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

## 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

**2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn**, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**2.2. Các điều kiện liên quan** đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn, độ rung do tác động ảnh hưởng từ hoạt động của dự án.

8



**Phụ lục 3**

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 96 /GPMT-UBND  
ngày 15 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Lào Cai)



**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng ước tính (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại chất thải có chứa thủy ngân	Rắn	1-3 kg	16 01 06
2	Pin - ắc qui thải	Rắn	0,5 kg	16 01 12
3	Các linh kiện điện tử, thiết bị điện (có chứa tụ điện, công tác chứa thủy ngân...)	Rắn	0,5-1 kg	19 02 06
5	Dầu nhớt thải từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng	Lỏng	0,5-2 kg	15 01 05
<b>Tổng cộng</b>			<b>2,5-6,5 kg</b>	

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường:**

STT	Thành phần	Tỷ lệ phát sinh (%)	Khối lượng (kg)
1	Rác thực phẩm	20	6,0
2	Rác vô cơ có khả năng tái chế	45	13,5
3	Chất thải khác	35	10,5

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)**

- Thiết bị lưu chứa: Gồm 04 thùng (dung tích 60 lít) bằng nhựa chuyên dùng, chống ăn mòn, có kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 10m<sup>2</sup> tại tầng 7 khu nhà. Bố trí phòng riêng biệt, sàn tầng lát gạch, sơn chống thấm, kết cấu tường, sàn bê tông B22,5 đá 10x20 đảm bảo quy định về quản lý, lưu chứa chất thải nguy hại. Trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xéng để sử dụng trong

BR

trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại. Định kỳ 01 năm thực hiện việc chuyển giao chất thải nguy hại theo đúng quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 thùng chứa dung tích 120 lít, 03 thùng dung tích chứa 50 lít và 06 thùng chứa dung tích 5-10 lít/thùng. Rác thải được phân loại, thu gom vào các thùng chứa, đưa về kho chứa chất thải tạm thời có diện tích 10m<sup>2</sup>, nền trát vữa xi măng, có mái che, đặt tại bãi đỗ xe máy. Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý hàng ngày theo quy định.

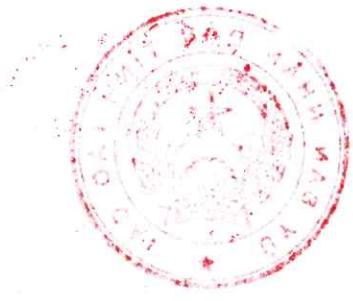
## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

*(k)*



**Phụ lục 4**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số: 96 /GPMT-UBND  
 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Lào Cai)



**A. YÊU CẦU VỀ CÁI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm** về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án.

**2. Trong quá trình thi công xây dựng:**

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các biện pháp quản lý, xử lý chất thải theo đúng quy định. Xây dựng hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước mặt. Nước thải thi công, nước rửa xe phải được thu gom, xử lý đảm bảo. Thực hiện phương án đào đắp cuốn chiếu, quây tôn, che chắn công trường thi công nhằm giảm thiểu bụi, không làm ảnh hưởng đến môi trường và dân cư xung quanh. Chất thải xây dựng phải được tập kết, đổ thải đúng vị trí được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Xử lý rác thải hàng ngày, thu dọn vật liệu, bùn đất rơi vãi trên tuyến đường.

**3. Trong quá trình dự án đi vào hoạt động:**

Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ (01 năm) chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương.

Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm, an toàn giao thông và các quy định pháp luật có liên quan.

Nghiêm túc vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được phê duyệt, không để xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường, kiến nghị của người dân khu vực xung quanh dự án.

B

Thực hiện ~~báo cáo~~ công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật. (2)



